

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Bộ Lao động Mỹ mới công bố, chỉ số CPI trong tháng 2 của Mỹ tăng 7.9%, đây là mức cao nhất kể từ tháng 1/1982 và không có đột phá trong đàm phán vòng 3 giữa Nga và Ukraine

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm sau khi Mỹ công bố chỉ số lạm phát tháng 2 tăng 7.9%YoY, đạt mức cao nhất trong 40 năm

[Thông tin doanh nghiệp]

POW, REE

[Cập nhật công ty]

BID, NLG

[Quan điểm đầu tư]

NDT có thể gia tăng một phần tỷ trọng vị thế trading tại vùng hỗ trợ với các cổ phiếu mục tiêu, nhưng cần giảm thiểu vị thế nắm giữ nếu vùng hỗ trợ đã đề cập bị thủng sau đó.

11/03/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,466.54	-0.85
VN30	1,477.14	-0.88
HĐTL VN30F1M	1,476.00	-0.94
HNXIndex	442.20	-1.22
HNX30	800.86	-1.73
UPCoM	115.37	+0.07
USD/VND	22,859	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.27	+0
Lãi suất qua đêm (%)	2.13	+3
Dầu (WTI, \$)	107.91	+1.78
Vàng (LME, \$)	1,992.94	-0.20



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,466.54 (-0.85%)
KLGD (triệu CP) 878.2 (+44.8%)
GTGD (triệu US\$) 1,209.8 (+30.5%)

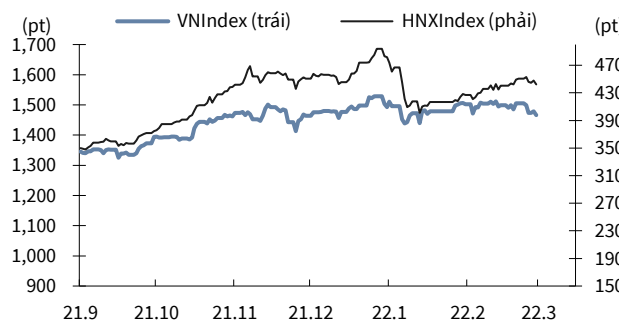
HNXIndex 442.20 (-1.22%)
KLGD (triệu CP) 175.1 (+45.3%)
GTGD (triệu US\$) 176.8 (+31.6%)

UPCoM 115.37 (+0.07%)
KLGD (triệu CP) 160.1 (+74.4%)
GTGD (triệu US\$) 109.5 (+22.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -22.7

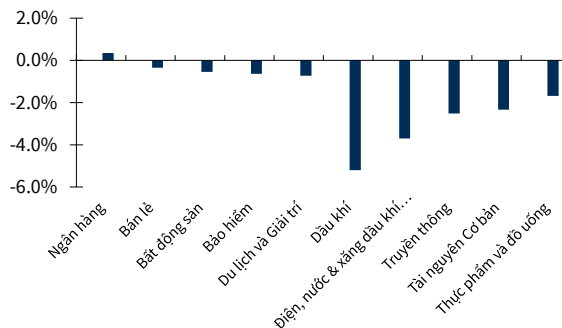
TTCK Việt Nam giảm điểm sau khi Bộ Lao động Mỹ mới công bố, chỉ số CPI trong tháng 2 của Mỹ tăng 7.9%, đây là mức cao nhất kể từ tháng 1/1982 và không có đột phá trong đàm phán vòng 3 giữa Nga và Ukraine. Bộ trưởng Tài nguyên Canada Jonathan cho biết, nước này đang nghiên cứu các phương án tăng cường sử dụng đường ống để thúc đẩy xuất khẩu dầu thô sang Mỹ tác động tiêu cực đến cổ phiếu dầu khí ở GAS (-4.7%), BSR (-2.1%). Theo Hiệp hội giấy và bột giấy Việt Nam, giá giấy thu hồi trung bình nhập khẩu khu vực Đông Nam Á tăng trong đầu năm 2022 trong khi tổng sản lượng ngành giấy, bao bì trong tháng 1/2022 đạt 451,509 tấn, giảm 2.42% so với tháng 12/2021 và Tổng xuất khẩu trong đạt 89,206 tấn, giảm 30.87% MoM khiến cổ phiếu nhóm giấy, bao bì giảm giá HHP (-1.9%), APH (1.8%). Khối ngoại bán ròng ở MSN (-5%), VND (+2%), DXG (+1.3%).

VNIndex & HNXIndex



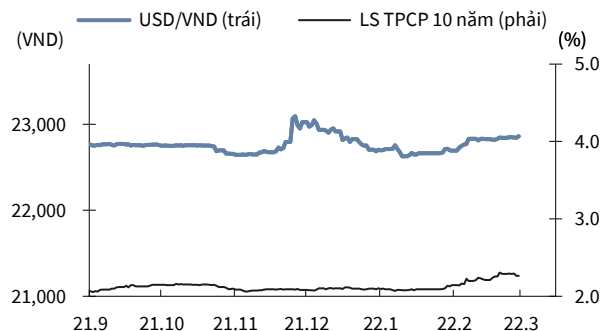
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



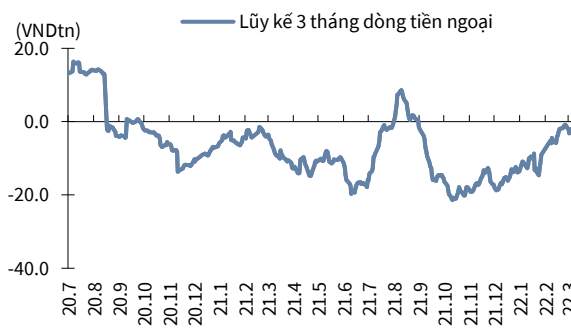
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

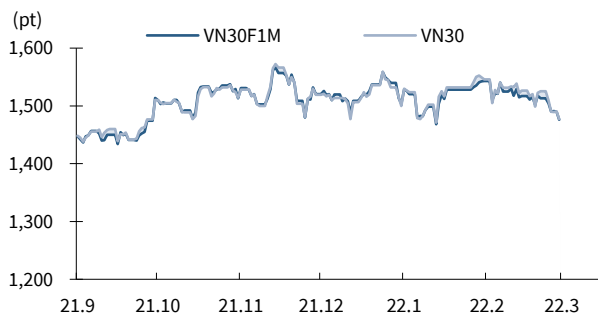
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,477.14 (-0.88%)
VN30F1M	1,476.0 (-0.94%)
Mở cửa	1,486.7
Cao nhất	1,487.5
Thấp nhất	1,471.1

Các HĐTL giảm điểm sau khi Mỹ công bố chỉ số lạm phát tháng 2 tăng 7.9%YoY, đạt mức cao nhất trong 40 năm. Chênh lệch F2203 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -0.24 điểm, sau đó biến động trong biên độ -4.34 và 3.95, đóng cửa ở mức -1.14 điểm. Khối ngoại bán ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường tăng mạnh.

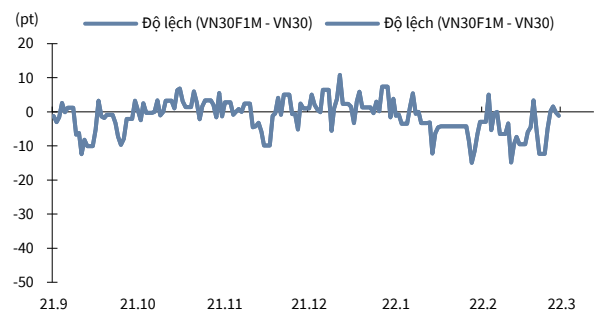
KLGD (HĐ)	151,611 (+36.2%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



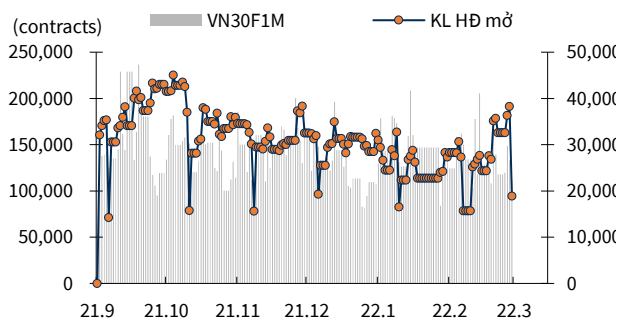
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



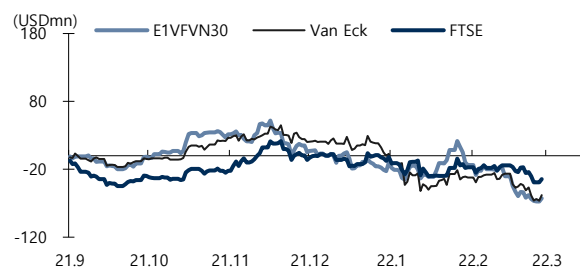
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

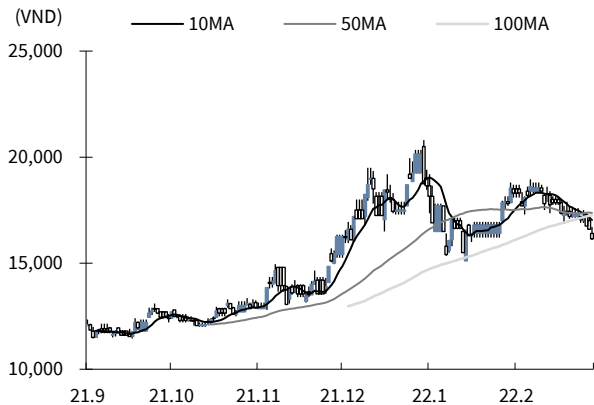
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (POW)

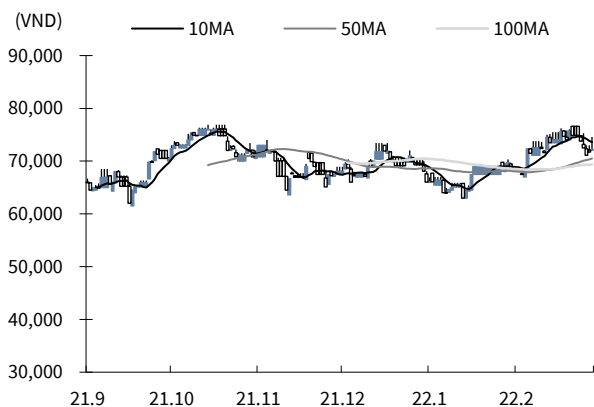


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- POW giảm 2.71% xuống 16,150 VND/cp

- PV Power thông báo sản lượng điện tháng 2 ở mức 890.3 triệu kWh, vượt 10% kế hoạch tháng, song giảm 28% so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, doanh thu tháng 2 ở mức 1,563 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch tháng và giảm 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Sang tháng 3, PV Power đề ra mục tiêu sản lượng điện 935 triệu kWh và doanh thu 1,553 tỷ đồng.

CTCP Cơ điện lạnh (REE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- REE tăng 0.7% lên 72,200 VND/cp

- REE Corporation lên kế hoạch lợi nhuận sau thuế 2,061 tỷ đồng, tăng 11% YoY và doanh thu 9,247 tỷ đồng, tăng 59.2% so với năm trước nhờ sự phục hồi mạnh của lĩnh vực cơ điện lạnh, năng lượng và nước tiếp tục tăng trưởng trong khi bất động sản suy giảm.

9/3/2022

Chuyên viên phân tích Tài chính & Công nghệ
Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

4Q2021, LNTT đạt 2,868 tỷ VND, tăng 33.3% YoY

4Q2021, tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh có những bước đột phá. Cụ thể, thu nhập lãi thuần đạt 10,583 tỷ VND (-11.1% QoQ, +2.7% YoY và LNTT 4Q2021 đạt 2,868 tỷ VND (+7.3% QoQ, +33.3% YoY).

NIM 4Q2021 đạt 2.90%, giảm 14bps QoQ

NIM 4Q2021 giảm so với quý trước, đạt 2.90% (-14 bps QoQ, +49 bps YoY) với chi phí đầu vào bình quân tiếp tục duy trì mức thấp, đạt 3.56% (-8 bps QoQ) trong khi lãi suất bình quân đầu ra giảm 19bps QoQ, đạt 6.26% đến từ các chính sách giảm lãi suất hỗ trợ doanh nghiệp chịu ảnh hưởng Covid-19 của BID.

Tỷ lệ nợ xấu đạt 0.98% giảm 64bps QoQ.

Tỷ lệ nợ xấu 4Q2021 đạt 0.98% (-64bps QoQ). BID đã hạ mức trích lập dự phòng thấp hơn so với các quý trước, đạt 6,238 tỷ VND (-16.9% QoQ, -11.0% YoY) khiến tỷ lệ bao phủ nợ xấu đạt 219.4%, là mức cao nhất của BID trong nhiều năm gần đây.

BID đặt kế hoạch tăng trưởng tín dụng 2022 là 12.5%, LNTT đạt 18.6 nghìn tỷ VND, tăng 36.1% YoY

BID đưa ra kế hoạch kinh doanh cho năm 2022 với tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12.5%, LNTT kỳ vọng đạt 18.6 nghìn tỷ VND, tăng 36.1% YoY. Đây là kế hoạch khả thi dựa trên: (1) Sự hồi phục của nền kinh tế; (2) Dư địa cải thiện CASA còn nhiều với chính sách miễn phí giao dịch; (3) Trích lập dự phòng giảm trong năm 2022.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 48,000 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu BID. Giá mục tiêu là 48,000 VND/cp, cao hơn 18.5% so với giá tại ngày 9/3/2022.

Năm giữ

Giá mục tiêu VND 48,000

Tăng/Giảm	18.5%
Giá hiện tại (9/3/2022)	VND 40,500
Giá mục tiêu thị trường	VND 35,184
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	210,434

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.01%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	138.6/6.1
Sở hữu nước ngoài (%)	16.85%
Cơ cấu cổ đông	Ngân hàng nhà nước (80.99%)

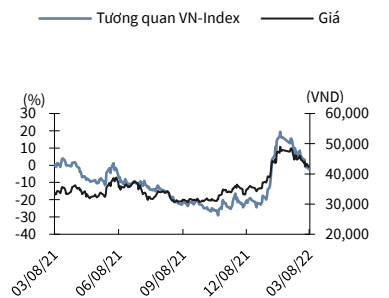
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-14	19	33	24
Tương đối	-12	19	23	-2

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021F	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	35,797	46,818	47,207	51,295
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	32,344	43,034	43,622	47,611
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	6,997	10,573	14,376	19,297
EPS (VND)	1,740	2,090	2,592	3,278
Tăng trưởng EPS (%)	-16%	20%	24%	26%
PER (x)	24.9	20.7	16.7	13.2
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	19,803	17,073	17,363	19,414
PBR (x)	2.19	2.54	2.49	2.23
ROE (%)	9.2%	13.1%	16.2%	18.9%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1.85%	1.85%	1.85%	1.85%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

NAM LONG (NLG)

Các dự án đang triển khai đảm bảo tăng trưởng trong dài hạn

Chuyên viên phân tích Bất động sản
Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

11/03/2022

Kết quả bán hàng năm 2022 kì vọng tăng trưởng mạnh

Trong năm 2022, Nam Long dự kiến sẽ tiếp tục bán hàng tại các dự án Mizuki, Akari (giai đoạn 2), Southgate, Cần Thơ và Izumi City. Chúng tôi ước tính, công ty bán được 3,712 sản phẩm (+68YoY) với tổng giá trị đạt 13,753 tỷ VND (+56%YoY)

Dự án Akari City (giai đoạn 2) dự kiến sẽ đóng góp đáng kể vào giá trị bán hàng năm 2022-2023

Dự án Akari City giai đoạn 2 (Bình Tân, TP HCM) gồm 1,690 căn hộ đã được động thổ vào cuối tháng 2/2022 và chuẩn bị mở bán này trong tháng 3 năm 2022. Đây là một trong những dự án trọng điểm của Nam Long, chúng tôi kì vọng dự án sẽ đóng góp 4,900 tỷ VND vào doanh số bán hàng của Nam Long trong năm 2022-2023.

Kết quả kinh doanh duy trì đà tăng trưởng

Kết quả kinh doanh duy trì đà tăng trưởng trong các năm tới. Lợi nhuận năm 2022 được hỗ trợ bởi 360 tỷ VND lợi nhuận tài chính từ chuyển nhượng 50% dự án Paragon Đại Phước. Chúng tôi ước tính doanh thu và lợi nhuận sau thuế của NLG năm 2022 đạt lần lượt 5,893 tỷ VND (+13% YoY) và 1,247 tỷ VND (+16% YoY). Cho năm 2023, chúng tôi ước tính doanh thu của NLG đạt 6,461 tỷ VND (+10% yoy) và lợi nhuận sau thuế đạt 1,552 tỷ VND (+24% yoy).

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu: 63,200VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu NLG với giá mục tiêu 63,200VND/cổ phiếu, cao hơn 19% so với giá đóng cửa ngày 11/03/2022.

Mua duy trì

Giá mục tiêu 63,200 VND

Tăng/giảm (%)	19%
Giá hiện tại (11/03/2022)	53,100
Giá mục tiêu đồng thuận	62,600 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	20.4/0.9

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	60%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	317.1/13.9
Sở hữu nước ngoài (%)	18.4%
Cổ đông lớn	Ông Nguyễn Xuân Quang (11.6%)

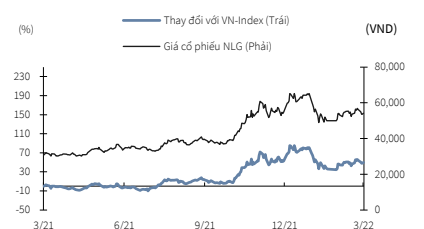
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	7	-2	40	76
Tương đối	8	-1	29	11

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	2,217	5,206	5,893	6,461
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,002	1,205	2,213	2,050
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	835	1,071	1,247	1,552
EPS (VND)	2,780	2,796	3,256	4,053
Tăng trưởng EPS (%)	-21	1	16	24
P/E (x)	19.75	19.63	16.65	13.37
P/B (x)	2.80	2.35	1.36	1.26
ROE (%)	13	11	12	13
Tỷ suất cổ tức (%)	2	1		

Nguồn: Bloomberg, KBSV

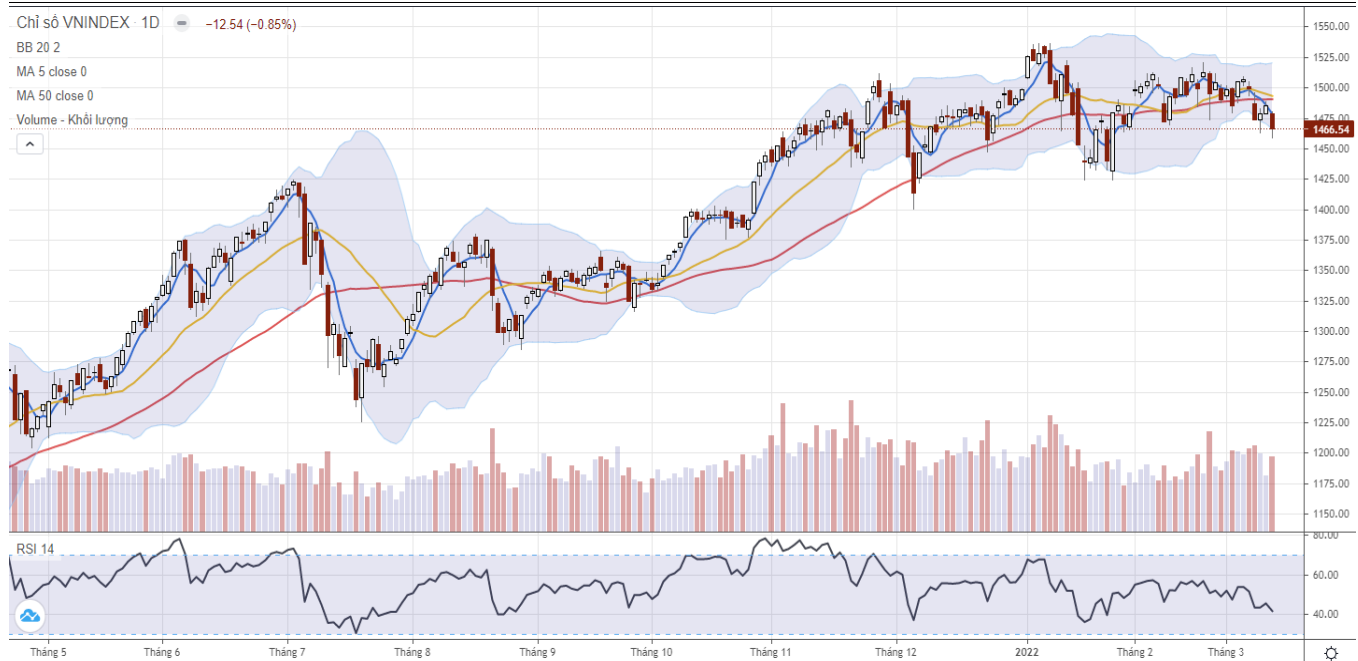


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



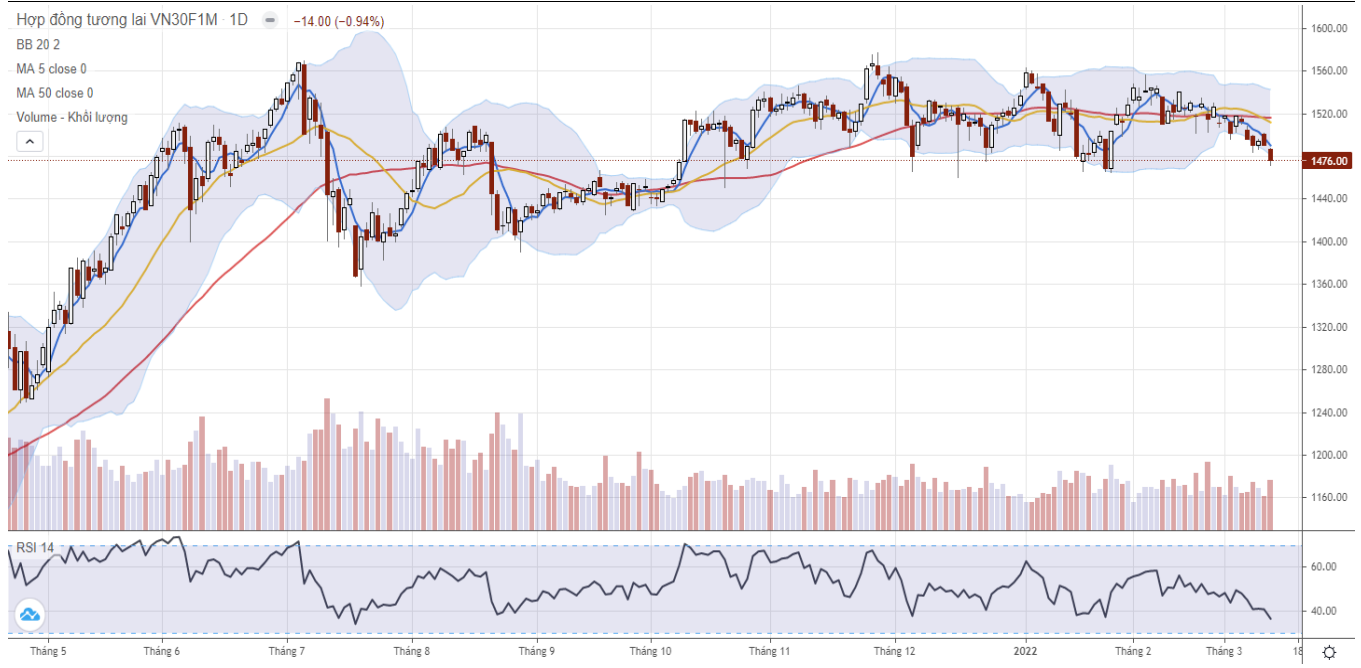
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực hồi phục bất thành đầu phiên, VNINDEX trải qua một nhịp lao dốc trong phiên trước khi hồi phục một phần vào cuối phiên.
- Tín hiệu gia tăng của thanh khoản tại các nhịp sụt giảm phá đáy trong phiên cho thấy xu hướng giảm điểm vẫn đang có phần lấn át và trạng thái thị trường đang trở nên tiêu cực hơn. Mặc dù vậy, chỉ số đang dần lùi về điểm đỡ quan trọng tại quanh 145x, mốc then chốt quyết định đến khả năng rơi vào nhịp điều chỉnh cấp trung, nên có thể kỳ vọng vào kịch bản sẽ xuất hiện một nhịp hồi phục tại đây.
- NĐT có thể gia tăng một phần tỷ trọng vị thế trading tại vùng hỗ trợ với các cổ phiếu mục tiêu, nhưng cần giảm thiểu vị thế nắm giữ nếu vùng hỗ trợ đã đẽ cạo bị thủng sau đó.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1496 – 1500

Kháng cự gần: 1482 - 1487

Hỗ trợ gần: 1466 – 1470

Hỗ trợ xa: 1457 – 1461

- F1 trải qua một nhịp giảm điểm giảm co trong phiên trước khi hồi phục một phần vào cuối phiên.
- Tín hiệu gia tăng của thanh khoản tại các nhịp sụt giảm phá đáy trong phiên cho thấy xu hướng giảm điểm vẫn đang có phần lấn át và trạng thái thị trường đang trở nên tiêu cực hơn. Mặc dù vậy, với việc xuất hiện những phản ứng tích cực khi lùi về vùng hỗ trợ xa tại quanh 146x, chúng tôi vẫn kỳ vọng vào kịch bản sẽ xuất hiện một nhịp hồi phục tại đây.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ trạng thái LONG đã mở, chỉ đóng nếu F1 để mất vùng hỗ trợ gần.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

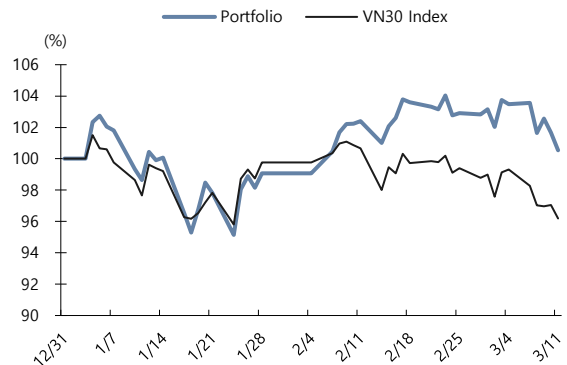
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.88%	-1.09%
Tăng lũy kế (YTD)	-3.81%	0.54%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 11/03/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	133,000	-0.4%	73.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu nắm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	66,400	3.9%	8.3%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	104,500	-3.5%	44.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tân Uyên (NTC)	11/11/2021	194,000	-1.1%	1.8%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	72,200	0.7%	109.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,200	-1.5%	228.0%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,250	0.5%	69.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	112,900	-4.7%	66.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phát Group (HPG)	04/12/2019	47,600	-3.2%	244.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	51,800	-1.7%	286.9%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	0.6%	9.2%	53.9
VCB	0.4%	23.7%	47.3
STB	1.6%	19.1%	40.8
VNM	1.2%	54.2%	27.3
VRE	-0.5%	29.9%	21.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MSN	-5.0%	28.8%	-151.5
VND	2.0%	19.7%	-151.9
DXG	1.3%	31.2%	-51.0
HPG	-3.2%	22.6%	-69.2
NVL	0.3%	6.9%	-41.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TVD	-8.8%	1.3%	1.4
TA9	5.1%	4.0%	1.3
PVG	-5.4%	1.2%	0.7
GIC	0.5%	2.9%	0.6
PPS	-0.7%	26.2%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SCI	0.4%	4.7%	-1.5
PVS	-3.4%	9.1%	-1.3
IVS	-2.0%	70.7%	-0.4
NST	9.3%	2.2%	-0.3
PEN	-4.4%	0.5%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	0.3%	PNJ, DQC
Du lịch và Giải trí	0.3%	SVC, DRC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.3%	PC1, DPG
Công nghệ thông tin	-0.7%	DCM, DPM
Xây dựng và Vật Liệu	-1.1%	FPT, ELC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-5.8%	MSN, SAB
Thực phẩm và đồ uống	-4.5%	YEG, PNC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.7%	VHM, BCM
Bảo hiểm	-3.5%	VCB, BID
Dầu khí	-3.4%	BVH, MIG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	12.9%	YEG, ADG
Hóa chất	11.6%	DCM, GVR
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	6.4%	GMD, GEX
Y tế	6.1%	HPG, NKG
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.3%	DHG, TNH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-8.3%	BID, VCB
Bất động sản	-2.3%	VHM, VIC
Thực phẩm và đồ uống	-1.9%	VNM, BHN
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.3%	SAM, SGT
Dầu khí	1.0%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	330,486 (14.5)	22.5	266.4	69.8	14.7	1.1	4.4	3.1	3.0	-0.1	0.0	-3.3	-16.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	324,850 (14.2)	26.6	9.2	7.8	35.9	25.0	23.3	2.1	1.7	-0.3	-3.7	-5.9	-8.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	246,243 (10.8)	17.8	26.1	18.2	-7.6	9.1	10.8	2.2	2.1	-0.5	-5.6	-7.9	5.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	246,531 (10.8)	31.3	29.0	24.6	6.7	14.2	14.6	3.7	3.2	0.3	0.3	-1.2	-15.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	69,320 (3.0)	11.6	22.9	17.2	18.0	14.3	13.7	2.9	2.6	-1.0	-6.6	-3.4	0.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	435,560 (19.1)	13.9	17.8	19.7	-	14.8	12.4	2.4	2.3	1.2	-7.7	15.7	16.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	132,436 (5.8)	6.3	14.9	12.3	11.7	20.4	21.2	2.7	2.3	0.4	-1.3	-6.9	6.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	123,771 (5.4)	12.7	15.7	11.4	-5.3	17.2	20.2	2.2	2.0	2.2	-3.3	12.6	12.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	472,865 (20.7)	0.0	8.0	6.6	14.3	21.0	20.5	1.5	1.2	-0.7	-2.1	-8.9	-2.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	322,293 (14.1)	1.4	8.3	6.4	61.1	19.6	22.9	1.5	1.2	0.5	-1.5	12.4	-4.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	694,928 (30.5)	0.0	10.8	8.7	18.8	16.5	17.1	1.7	1.4	-1.0	-4.5	-0.5	1.7
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	676,590 (29.7)	0.0	8.0	6.7	14.6	22.6	21.6	1.5	1.2	1.3	-4.4	-7.4	8.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	175,122 (7.7)	4.2	7.6	6.6	23.3	21.8	19.8	-	-	1.3	-2.5	12.5	-11.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	726,013 (31.9)	14.0	11.4	7.7	26.5	14.2	18.7	1.6	1.4	1.6	0.2	-9.2	1.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	265,711 (11.7)	0.0	8.9	7.5	37.4	22.2	22.3	1.9	1.6	-0.9	-5.2	-9.8	-5.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	28,357 (1.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	3.2	12.4	-1.1	5.0	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	58,277 (2.6)	21.0	20.3	16.5	15.8	9.7	11.0	1.8	1.7	-0.7	-4.5	3.4	1.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	16,611 (0.7)	14.2	24.2	19.3	9.1	10.8	13.1	2.3	2.1	-1.8	-0.3	4.3	-8.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	480,847 (21.1)	55.4	20.1	18.9	-3.2	15.2	15.2	-	-	-3.4	-3.4	-0.2	-13.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	177,430 (7.8)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-1.7	-2.4	1.5	-14.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	154,621 (6.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-2.9	-4.9	-6.0	-20.4
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	442,616 (19.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	2.0	4.0	12.0	-2.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	173,638 (7.6)	42.1	16.2	14.9	4.0	31.3	32.9	4.6	4.4	1.2	0.1	-4.9	-9.7
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,246 (1.2)	36.9	23.0	19.0	7.3	19.7	21.4	4.2	3.8	-1.9	-3.8	-3.5	2.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	142,702 (6.3)	16.5	31.0	7.4	-51.9	17.9	23.0	5.2	4.2	-5.0	11.7	-4.9	-16.7
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	118,782 (5.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-1.8	4.3	-19.0	
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	130,313 (5.7)	11.0	-	60.3	-88.5	1.0	10.1	-	-	-0.4	-0.6	4.3	8.0
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	165,733 (7.3)	10.8	23.1	20.8	-57.0	12.1	13.1	2.5	2.3	1.3	1.3	15.2	17.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	331,245 (14.5)	38.4	12.0	7.8	65.7	11.2	14.9	1.4	1.2	-3.6	11.2	10.8	-35.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	118,426 (5.2)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.6	-0.6	6.6	-39.3
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	630,852 (27.7)	37.7	18.3	13.5	-13.2	12.0	15.1	-	-	-3.9	-8.9	1.5	-6.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	49,663 (2.2)	3.6	17.5	13.4	-52.4	4.3	5.4	0.7	0.7	0.0	-8.6	10.5	-22.4
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	45,164 (2.0)	0.0	11.2	9.4	-4.5	13.8	14.4	1.5	1.4	0.7	-3.6	5.7	4.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	146,902 (6.4)	46.1	18.2	16.4	-17.5	22.0	23.7	3.9	3.6	-4.7	-4.3	1.7	17.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	13,817 (0.6)	31.4	12.1	9.7	-10.5	14.3	15.8	1.5	1.4	-1.1	-1.5	-5.5	-14.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,462 (0.2)	34.1	13.8	8.7	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	-0.2	-1.3	-2.6	-8.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,273,660 (55.8)	18.0	7.4	7.0	21.9	29.2	24.5	1.8	1.5	-3.2	-4.4	1.0	2.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	427,570 (18.7)	36.5	10.9	16.7	-0.5	30.7	17.8	3.7	3.4	3.9	10.1	42.9	32.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	289,287 (12.7)	46.5	10.1	14.9	-4.5	29.9	17.6	2.6	2.4	3.7	15.4	52.7	26.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	456,117 (20.0)	38.9	7.0	6.9	67.9	24.0	20.4	1.4	1.2	-3.2	-2.8	6.9	6.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	93,517 (4.1)	97.2	17.3	17.4	17.2	7.0	-	1.2	1.2	0.6	-3.3	-0.6	-11.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	215,461 (9.4)	4.6	18.6	16.6	-51.0	15.3	16.9	2.8	2.7	-5.4	-5.1	-2.4	7.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	355,778 (15.6)	39.9	33.5	17.4	-11.9	3.5	6.2	1.1	1.0	-4.4	5.7	20.3	25.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	151,366 (6.6)	35.9	9.7	8.5	1.2	17.2	16.4	1.4	1.2	-4.9	-4.0	15.1	9.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	166,266 (7.3)	0.0	14.7	12.7	13.7	29.1	29.4	4.0	3.7	-0.4	-2.1	-1.7	-2.1
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	140,795 (6.2)	0.0	17.5	14.0	2.4	21.2	20.6	3.2	2.6	-3.5	-1.6	-0.3	8.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	17,185 (0.8)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.3	-	38.8	7.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	154,039 (6.8)	30.3	17.7	14.0	-75.2	30.7	29.9	4.7	3.8	0.4	-1.0	30.0	28.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	57,182 (2.5)	34.6	10.1	11.2	41.2	33.6	26.0	2.8	2.2	-4.4	-8.6	-	11.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,957 (0.3)	45.4	19.2	18.0	10.7	19.3	18.8	3.4	3.1	-2.2	-3.5	10.2	-1.0
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	106,241 (4.7)	0.0	16.7	13.6	15.5	27.4	29.2	3.6	-	-1.5	-0.3	1.7	0.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.